

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GOLDEN PHOENIX
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GOLDEN PHOENIX

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GOLDEN PHOENIX INVEST., JSC

Tên công ty viết tắt: GOLDEN PHOENIX INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

2. Mã số doanh nghiệp: 0109815201

3. Ngày thành lập: 12/11/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 8 Võ Chí Công, tầng 1, toà nhà Hancom, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02439998986

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đấu giá)	4512
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
8.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
9.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
10.	Bán buôn thực phẩm	4632
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh.	4649
12.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659
16.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ Bán buôn vàng và kim loại quý khác)	4662
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
19.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
20.	Chăn nuôi khác	0149
21.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt Chi tiết: - Cắt, xén, tỉa cây lâu năm; - Làm đất, gieo, cấy, sạ, thu hoạch; - Kiểm soát loài sinh vật gây hại trên giống cây trồng; - Kiểm tra hạt giống, cây giống; - Cho thuê máy nông nghiệp có người điều khiển; - Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ trồng trọt.	0161
22.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
23.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
24.	Khai thác và thu gom than non	0520
25.	Khai thác quặng sắt	0710
26.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
28.	Giáo dục nhà trẻ	8511
29.	Giáo dục mẫu giáo	8512
30.	Giáo dục tiểu học	8521
31.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
32.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
33.	Đào tạo sơ cấp	8531
34.	Đào tạo trung cấp	8532

35.	Đào tạo cao đẳng	8533
36.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
37.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
38.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
39.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
40.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm hoạt động của các sàn nhảy, hoạt động của các phòng hát Karaoke)	9329
41.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
42.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
43.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
44.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
45.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
46.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sửa chữa xe đạp; - Sửa chữa quần áo; - Sửa chữa đồ trang sức; - Sửa chữa đồng hồ, dây, hộp đồng hồ...; - Sửa chữa dụng cụ thể dục, thể thao (trừ súng thể thao); - Sửa chữa nhạc cụ, sách, đồ dùng cá nhân và gia đình khác.	9529
47.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
48.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
49.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
50.	Lập trình máy vi tính	6201
51.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
52.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	6209
53.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
54.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)

55.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản.	6820
56.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: - Quan hệ và thông tin cộng đồng; - Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý...	7020
57.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: a) Thiết kế kiến trúc công trình; b) Thiết kế kiến trúc trong đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, thiết kế đô thị; c) Thiết kế kiến trúc cảnh quan; d) Thiết kế nội thất; đ) Chỉ dẫn đặc điểm kỹ thuật kiến trúc công trình; e) Đánh giá kiến trúc công trình; g) Thẩm tra thiết kế kiến trúc.	7110
58.	Quảng cáo	7310
59.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
60.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn chuyển giao công nghệ - Môi giới chuyển giao công nghệ; - Xúc tiến chuyển giao công nghệ.	7490
61.	Cho thuê xe có động cơ	7710
62.	Bán buôn tổng hợp	4690
63.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket).	4711

64.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket).	4719
65.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
66.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
67.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
68.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
69.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
70.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, các khoáng chất, graphite tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Bột thạch anh, mica...	0899
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
72.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
73.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
74.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
75.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
76.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
77.	Sản xuất than cốc	1910
78.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
79.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
80.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
81.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
82.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
83.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
84.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
85.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
86.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
87.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
88.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
89.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
90.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817

91.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
92.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đầu giá)	4791
93.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đầu giá)	4799
94.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
95.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
96.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
97.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
98.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
99.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
100.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
101.	Bốc xếp hàng hóa	5224
102.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
103.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Giao nhận hàng hóa; - Gửi hàng; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn;	5229
104.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn; - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự.	5510
105.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
106.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
107.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
108.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
109.	Xuất bản phần mềm	5820
110.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
111.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
112.	Hoạt động viễn thông khác	6190
113.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
114.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

115.	Đại lý du lịch	7911
116.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
117.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
118.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
119.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
120.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
121.	Đóng tàu và cầu kiện nổi Chi tiết: - Đóng tàu thương mại: Tàu chở khách, phà, tàu chở hàng, xà lan, tàu dặt... - Đóng tàu đánh cá và tàu chế biến cá. - Đóng tàu di chuyển bằng đệm không khí (trừ loại tàu dùng cho giải trí); - Thiết lập cầu kiện nổi: Sàn tàu nổi, thuyền phao, giếng kín, giàn nổi, phao cứu đắm, xà lan nổi, xà lan bốc dỡ hàng, cần trục nổi, mảng hơi không thể tái tạo... - Sản xuất các bộ phận cho tàu và cho cầu kiện nổi. Chi tiết: - Đóng tàu thương mại: Tàu chở khách, phà, tàu chở hàng, xà lan, tàu dặt... - Đóng tàu đánh cá và tàu chế biến cá. - Đóng tàu di chuyển bằng đệm không khí (trừ loại tàu dùng cho giải trí); - Thiết lập cầu kiện nổi: Sàn tàu nổi, thuyền phao, giếng kín, giàn nổi, phao cứu đắm, xà lan nổi, xà lan bốc dỡ hàng, cần trục nổi, mảng hơi không thể tái tạo... - Sản xuất các bộ phận cho tàu và cho cầu kiện nổi.	3011
122.	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí	3012
123.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
124.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học Chi tiết: Sửa chữa các dụng cụ và thiết bị chiếu chụp X quang, điện liệu pháp, điện y	3313
125.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
126.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
127.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
128.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
129.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
130.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
131.	Xây dựng nhà để ở	4101

132.	Xây dựng nhà không để ở	4102
133.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
134.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
135.	Xây dựng công trình điện	4221
136.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
137.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
138.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
139.	Xây dựng công trình thủy	4291
140.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
141.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
142.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
143.	Phá dỡ	4311
144.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)	4312
145.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
146.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
147.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
148.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
149.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
150.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
151.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh thuốc)	4772
152.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 380.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 38.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN PHƯƠNG DUNG	Số 12 ngõ 340 Đội Cấn, Phường Cổng Vĩ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.800.0 00	38.000.000.000	10,000	0011740042 89	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.800.0 00	38.000.000.000	10,000		
2	NGUYỄN KIM HOÀNG	Số 66 phố Hoàng Ngân Tổ 3, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.500.0 00	95.000.000.000	25,000	0400780007 71	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	9.500.0 00	95.000.000.000	25,000		

3	NGÔ MÊ GIANG	23 Đồng Nhân B, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	24.700.000	247.000.000.000	65,000	049058000003
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	24.700.000	247.000.000.000	65,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGÔ MÊ GIANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 07/06/1958

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 049058000003

Ngày cấp: 11/09/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: 23 Đồng Nhân B, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 23 Đồng Nhân B, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội